

## Biểu đồ giá



## Thông tin cổ phiếu vào ngày 01/12/2010

Giá CP (đồng)	14,000
Số lượng niêm yết hiện tại	1,056,006,875
Số lượng CP đang lưu hành	1,056,006,875
Giá cao nhất trong 52 tuần	26,100
Giá thấp nhất trong 52 tuần	13,300
Thay đổi giá trong 3 tháng	0.0%
Thay đổi giá trong 6 tháng	-12.9%
Thay đổi giá trong 12 tháng	NA
Khối lượng CP giao dịch tự do	751,348,892
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	17,670
(GTTB trong 5 ngày GD gần nhất)	
GT vốn hóa t.t (triệu đồng)	14,784,096
GT vốn hóa t.t (triệu USD)	758.16
Số lượng được phép sở hữu	316,802,063
Số lượng còn được phép mua	0
% sở hữu nước ngoài	30.0%
% giới hạn sở hữu nước ngoài	30.0%

## Mô hình dự báo lợi nhuận và định giá

Đơn vị tính: Triệu đồng	2007	2008	2009	2010F	2011F
Tổng tài sản	33,710,424	48,247,821	66,029,254	92,246,893	116,983,229
Tổng dư nợ cho vay	18,378,610	20,855,907	38,003,086	50,160,494	64,834,364
Tiền gửi khách hàng	22,939,823	32,344,099	46,995,868	61,651,254	80,595,904
Tổng vốn chủ sở hữu	6,294,943	12,844,077	13,950,299	14,296,483	14,601,509
Lợi nhuận trước thuế	628,847	969,231	1,532,786	2,103,163	2,663,454
Lợi nhuận ròng	463,417	711,013	1,144,422	1,577,372	1,997,591
Tăng trưởng tổng tài sản	84%	43%	37%	40%	27%
Tăng trưởng tổng dư nợ cho vay	81%	13%	82%	28%	30%
Tăng trưởng huy động tiền gửi KH	74%	35%	26%	32%	32%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	223%	104%	9%	2%	2%
Tăng trưởng LN trước thuế	75%	54%	58%	37%	27%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	79%	53%	61%	38%	27%
ROA	2%	2%	2%	2%	2%
ROE	11%	7%	9%	11%	14%
ĐỊNH GIÁ	2007	2008	2009	2010F	2011F
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	226,499,078	616,356,546	880,008,000	1,056,009,600	1,056,009,600
EPS	2,004	1,130	1,274	1,463	1,853
Tăng trưởng EPS	-34%	-1%	42%	38%	27%
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	21,244	17,237	15,276	13,019	14,211
Hệ số P/E theo giá thị trường hiện hành			11.0	9.6	7.6
Hệ số P/E theo giá cuối năm	37.4	11.9	18.8		
Hệ số P/B theo giá thị trường hiện hành			0.92	1.08	0.99
Hệ số P/B theo giá cuối năm	3.5	0.8	1.6		
Giá trị vốn hóa thị trường				14,784,000	

Nguồn: Báo cáo Eximbank; (F) HSC dự báo; (\*) Sau khi phân bổ cho quỹ khen thưởng & phúc lợi

## Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB - HoSE): KQKD Q3 và triển vọng năm 2010-2011– Lặp lại khuyến nghị MUA

EIB đang tăng trưởng tốt trong năm nay và HSC dự báo ngân hàng sẽ đạt lợi nhuận trước thuế năm 2010 là 2,103 tỷ đồng (tăng 37%). Thu nhập của EIB đạt được chủ yếu nhờ thu nhập lãi thuần (chiếm 84% trong tổng thu nhập) trong 3 quý đầu năm tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập lãi thuần tăng trưởng dựa trên sự tăng trưởng của vốn huy động với sự mở rộng mạng lưới một cách tích cực của EIB.

Trong năm 2011, chúng tôi dự báo EIB sẽ đạt 2,663 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 27%. EIB có tình hình tài chính mạnh với hệ số CAR đạt 18% và hệ số LDR đạt 54.4%; do vậy, sự tăng trưởng của EIB sẽ không đòi hỏi phải huy động thêm nhiều vốn trong năm 2011.

Dựa trên dự báo của chúng tôi, cổ phiếu EIB hiện có P/E dự phóng năm 2010 là 9.6 lần và P/B là 1.08 lần (P/E dự phóng bình quân ngành năm 2010 là 10.2 lần và P/B là 1.76 lần). Trong năm 2011, P/E dự phóng đạt 7.6 lần và P/B dự phóng là 1.0 lần. Cổ phiếu EIB rẻ xét về mặt P/B và P/E và đây là một trong những cổ phiếu hàng đầu chúng tôi lựa chọn cho mục đích đầu tư dài hạn.

Nguồn: EIB, HSC

Chuyên viên phân tích  
Nguyễn Thị Tâm Hạnh  
hanh.ntt@hsc.com.vn

KQKD 3Q 2010 và cơ cấu thu nhập	3 quý đầu năm 2009	Tỷ lệ	3 quý đầu năm 2010	Tỷ lệ	Tăng trưởng
Thu nhập lãi thuần	1,390,436	75%	1,953,516	84%	40%
Thu nhập phí thuần	129,610	7%	180,316	8%	39%
Thu nhập thuần từ hoạt động ngoại hối	107,446	6%	80,301	3%	-25%
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	119,679	6%	(195)	0%	-100%
Thu nhập từ chứng khoán đầu tư	2,466	0%	(27,669)	-1%	-1222%
Thu nhập khác	99,904	5%	111,384	5%	11%
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn	13,823	1%	28,928	1%	109%
Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh	1,863,364	100%	2,326,582	100%	25%
Chi phí hoạt động kinh doanh	(557,745)		(685,429)		23%
Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	1,305,619		1,641,153		26%
Dự phòng rủi ro	(142,424)		(40,936)		-71%
Lợi nhuận trước thuế	1,163,195		1,600,217		38%

Nguồn – EIB

### KQKD Q3 và 3 quý đầu năm 2010

- EIB đã công bố lợi nhuận trước thuế Q3/2010 đạt 687 tỷ đồng (chưa kiểm toán), tăng 39% so với quý trước. Kết quả kinh doanh này đạt được nhờ thu nhập lãi thuần tăng trưởng 24%. Trên thực tế, thu nhập lãi thuần đóng góp 82% vào tổng thu nhập hoạt động trong Q3. Các khoản thu nhập khác cũng đóng góp đáng kể và chiếm 9% tổng thu nhập hoạt động trong Q3. Thu nhập khác thường biến động thất thường và chỉ chiếm 1% trong tổng thu nhập trong Q2. Chúng tôi chưa có số liệu chi tiết, nhưng thông thường thu nhập khác thường xuất phát từ tiền thu được từ việc xử lý các khoản nợ xấu (các khoản nợ xấu đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro và đưa ra ngoài bảng), hoàn nhập dự phòng và từ các thu nhập bất thường khác. Ngân hàng đã lỗ trong hoạt động đầu tư chứng khoán mặc dù thu nhập từ phí dịch vụ tăng 12% so với quý trước.

- Trong quý 3/2010, thu nhập lãi thuần tăng mạnh nhờ (1) tín dụng tăng trưởng cao, tăng 24% so với quý trước và (2) tài sản sinh lãi tăng 36% so với quý trước trong Q3. Thu nhập lãi thuần tăng mặc dù tỷ lệ NIM giảm 0.17% xuống 4.20% trong Q3 (Q2 là 4.37%). Nếu loại bỏ tác động tăng giá vàng và USD, thì dư nợ cho vay của EIB trong Q3 vẫn tăng trưởng 21% so với quý trước.
- Dư nợ cho vay VNĐ tăng 25% so với quý trước và chiếm 71.7% tổng dư nợ cho vay vào cuối Q3. Dư nợ cho vay USD và vàng chiếm phần còn lại trong tổng dư nợ cho vay của EIB. Dư nợ cho vay vàng tăng mạnh 77.7% so với quý trước, đạt 5,339 tỷ đồng; dư nợ cho vay USD giảm 3.4% và chiếm 17.2% tổng dư nợ cho vay trong Q3. Dư nợ cho vay vàng và USD chịu rủi ro tỷ giá và biến động giá vàng mặc dù một số khách hàng vay USD của EIB là các doanh nghiệp xuất khẩu. Tổng huy động khách

KQKD Q3 2010 và cơ cấu thu nhập	Q2 FY2010	Breakdown	Q3 FY2010	Breakdown	Q/Q growth
Thu nhập lãi thuần	641,617	86%	798,018	82%	24%
Thu nhập phí thuần	58,627	8%	65,851	7%	12%
Thu nhập thuần từ hoạt động ngoại hối	38,271	5%	20,397	2%	-47%
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	(858)	0%	311	0%	-136%
Thu nhập từ chứng khoán đầu tư	(5,667)	-1%	(21,074)	-2%	272%
Thu nhập khác	5,455	1%	90,841	9%	1565%
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn	12,756	2%	15,971	2%	25%
Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh	750,200	100%	970,316	100%	29%
Chi phí hoạt động kinh doanh	(231,499)		(263,167)		14%
Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	518,701		707,149		36%
Dự phòng rủi ro	(22,789)		(18,147)		-20%
Lợi nhuận trước thuế	495,912		689,002		39%

## Tình hình cho vay và huy động tiền gửi

	31/12/2009	30/06/2010	30/09/2010	Tỷ lệ	Tỷ lệ tăng so với đầu năm 2010	Tỷ lệ tăng trong quý 3 2010
<b>Dư nợ gộp</b>						
Dư nợ bằng VND	29,197,570	30,181,919	37,797,713	71.2%	29.5%	25.2%
Dư nợ bằng USD	5,926,468	9,453,675	9,039,195	17.0%	52.5%	-4.4%
Dư nợ bằng gold	2,612,629	3,004,325	5,339,105	10.1%	104.4%	77.7%
Khác	645,188	312,874	898,020	1.7%	39.2%	187.0%
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>38,381,855</b>	<b>42,952,793</b>	<b>53,074,033</b>	<b>100.0%</b>	<b>38.3%</b>	<b>23.6%</b>
<b>Tổng dư nợ điều chỉnh (*)</b>	<b>38,381,855</b>	<b>42,310,048</b>	<b>51,157,677</b>	<b>100.0%</b>	<b>33.3%</b>	<b>20.9%</b>
<b>Tiền gửi khách hàng, CDS và trái phiếu</b>						
Bằng VND	25,454,831	35,088,906	39,006,704	64.9%	53.2%	11.2%
Bằng USD	11,097,398	10,337,176	11,497,553	19.1%	3.6%	11.2%
Bằng vàng	9,573,985	7,654,657	8,692,428	14.5%	-9.2%	13.6%
Khác	863,279	1,025,588	948,817	1.6%	9.9%	-7.5%
<b>Tiền gửi khách hàng và CDS</b>	<b>46,989,493</b>	<b>54,106,327</b>	<b>60,145,502</b>	<b>100.0%</b>	<b>28.0%</b>	<b>11.2%</b>
<b>Tiền gửi khách hàng và CDS điều chỉnh (*)</b>	<b>46,989,493</b>	<b>52,654,814</b>	<b>57,876,064</b>	<b>100.0%</b>	<b>23.2%</b>	<b>9.9%</b>

Chi chú: (\*) Loại bỏ ảnh hưởng do biến động giá vàng và tỷ giá; CDS: Chứng chỉ tiền gửi

hàng tăng 11% so với quý trước. Huy động vốn tiền đồng chiếm 65% tổng vốn huy động. Hầu hết các khoản huy động bằng vàng được huy động dưới dạng chứng chỉ gửi vàng và chiếm 15% tổng vốn huy động. Điểm quan trọng là, không giống như các ngân hàng khác, EIB có trạng thái vàng và USD cân bằng do EIB có tập quán quản lý rủi ro thị trường tốt.

- Trong 9 tháng đầu năm, EIB đã công bố lợi nhuận trước thuế đạt 1,600 tỷ đồng (chưa kiểm toán), tăng 39% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 72.7% kế hoạch năm. Kết quả này đạt được nhờ tăng trưởng cho vay đạt 39% so với đầu năm, đạt 53,074 tỷ đồng; tài sản sinh lãi tăng 65% so với đầu năm, đạt 87,552 tỷ đồng và huy động tăng 28% so với đầu năm, đạt 60,145 tỷ đồng vào cuối tháng 9/2010. Nếu loại bỏ ảnh hưởng tăng giá vàng và tỷ giá tăng thì dư nợ cho vay tăng trưởng 33% so với đầu năm.
- Tính chung tiền gửi tại các ngân hàng khác và chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn tăng 12,586 tỷ đồng trong Q3, đạt 26,620 tỷ đồng vào cuối Q3 theo ước tính của chúng tôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tiền gửi tại các ngân hàng khác và đầu tư chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn tăng mạnh. Đầu tiên, các ngân hàng tăng huy động tiền gửi có kỳ hạn liên ngân hàng vì các ngân hàng được sử dụng tiền gửi kỳ hạn liên ngân hàng để tính hệ số LDR theo Thông tư 19. Thứ hai là các ngân hàng đã mua các chứng khoán nợ có kỳ hạn dưới 12 tháng (ngoài trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp) nhằm nâng cao tỷ lệ khả năng chi trả vốn trong 7 ngày. Tuy

nhien, chính sách phân bổ sử dụng vốn này mang tính ngắn hạn.

- Tuy nhiên hiện tại NHNN đang dự thảo một Thông tư mới nhằm quản lý các hoạt động liên ngân hàng. Theo dự thảo này, huy động vốn từ các ngân hàng khác sẽ được ghi nhận là những khoản vay trên bảng cân đối kế toán của bên đi huy động (loại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn giữa các ngân hàng). Do đó, chúng tôi coi tăng trưởng tài sản sinh lãi đến từ tiền gửi kỳ hạn trên thị trường liên ngân hàng chỉ mang tính tạm thời. Và nếu nội dung hiện tại trong dự thảo được giữ nguyên, thì HSC cho rằng hoạt động huy động vốn và phân bổ vốn trên thị trường liên ngân hàng sẽ giảm xuống trong năm sau.
- Trong 3 quý đầu năm, thu nhập lãi thuần tăng 40% so với cùng kỳ năm trước và đóng góp 85% vào tổng thu nhập hoạt động. Cũng giống hầu hết các ngân hàng thương mại ngoài quốc doanh lớn, thu nhập ngoài lãi của EIB đã giảm 21% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập từ HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 50% so với cùng kỳ năm trước; HĐ đầu tư chứng khoán lỗ trong 3 quý đầu năm. Bên cạnh thu nhập lãi thuần tăng mạnh, thì thu nhập từ dịch vụ cũng tăng 39%. Điều này rõ ràng cho thấy ngân hàng đã nâng cao dần chất lượng dịch vụ của mình. Tuy nhiên, thu nhập từ dịch vụ của EIB vẫn thấp hơn so với nhiều ngân hàng khác. Thu nhập lãi thuần tăng trưởng nhờ tài sản sinh lãi tăng 67% so với cùng kỳ năm trước và dư nợ cho vay tăng 39%. Bên cạnh đó tỷ lệ NIM tăng 0.17%, đạt 4.15% trong 3 quý đầu năm 2010. Đạt được điều này là nhờ cơ

	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010	Q3 2010
Tỷ lệ NIM	4.54%	3.89%	3.50%	4.35%	3.87%	4.37%	4.20%
Tăng trưởng dư nợ theo quý	21.4%	18.4%	15.6%	9.7%	-5.0%	17.9%	23.7%

ché cho vay theo lãi suất thỏa thuận trong những quý vừa qua.

- Tổng chi phí của EIB tăng 23% trong 3 quý đầu năm 2010 so với cùng kỳ năm ngoái. Ngân hàng đã quản lý chi phí hiệu quả, thể hiện qua tỷ lệ chi phí trên thu nhập ổn định ở mức 30-32% trong 2 năm qua. Ở các ngân hàng khác, tỷ lệ này vào khoảng 40-45% trong 3 quý đầu năm. So với đầu năm, EIB đã tăng thêm 27 chi nhánh và phòng giao dịch mới, nâng tổng số lên 167 chi nhánh và phòng giao dịch (tăng 19% so với đầu năm). Ngân hàng dự kiến mở thêm 13 điểm giao dịch mới vào cuối năm.

#### Triển vọng cả năm 2010

- Trong Q4, ngân hàng tăng trưởng chậm lại do NHNN thắt chặt hơn chính sách tiền tệ. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng cho rằng ngân hàng sẽ giảm hoạt động cho vay liên ngân hàng (dưới dạng tiền gửi kỳ hạn) trong Q4 do có khả năng NHNN sẽ ban hành cơ chế quản lý hoạt động liên ngân hàng chặt chẽ hơn. Và do đó, với sự tăng trưởng mạnh dư nợ cho vay cùng với sự tăng mạnh của tài sản sinh lãi tăng mạnh trong 03 quý đầu năm, chúng tôi dự báo ngân hàng có khả năng giảm dư nợ cho vay 5% trong Q4 so với Q3 và cũng sẽ giảm tài sản sinh lãi 9% trong Q4 so với quý Q3.
- Chúng tôi dự báo tỷ lệ NIM sẽ ở vào khoảng 4.2-4.25% trong Q4 và đạt 4.2% trong cả năm. Thông thường, có ngân hàng ghi nhận thu nhập cổ tức đầu tư dài hạn trong Q4. Dựa trên ước tính lợi suất đầu tư hàng năm khoảng 8.5% đối với danh mục đầu tư dài hạn của ngân hàng, chúng tôi cho rằng EIB sẽ ghi nhận thu nhập từ đầu tư cổ phiếu, tổng cộng 105 tỷ đồng trong Q4/2010. Chúng tôi cho rằng các khoản thu nhập khác sẽ không thay đổi nhiều so với các quý trước.
- Về mặt chi phí, chúng tôi cho rằng chi phí của EIB sẽ tăng trong Q4 nhưng cho cả năm, chúng tôi dự báo tỷ lệ chi phí trên thu nhập sẽ đạt 31.8%. Chi phí trích lập dự phòng đang tăng lên và EIB sẽ phải ghi nhận toàn bộ chi phí dự phòng chung bằng 0.75% dư nợ vào cuối năm. Như vậy trong cả năm, chi phí dự phòng sẽ đạt 264 tỷ đồng và trong đó chi phí dự phòng chung là 202 tỷ đồng. Dựa trên những giả định này, chúng tôi dự báo ngân hàng sẽ đạt lợi nhuận trước thuế là 2,103 tỷ đồng (tăng 37%).

#### Triển vọng năm 2011 và những dự báo

- Chúng tôi cho rằng NHNN sẽ thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ để giảm nguy cơ lạm phát và phục hồi giá trị cho đồng VNĐ ít nhất là trong nửa đầu năm 2011. Dựa trên dự báo này, chúng tôi giả định trong năm 2011, tăng trưởng tín dụng của Việt Nam sẽ chỉ đạt 20% (giảm so với mức 25% của năm nay theo chúng tôi ước tính). Hiện tại, EIB có tình hình tài chính lành mạnh, tính đến cuối tháng 9/2010, hệ số CAR đạt 18% và hệ số LDR đạt 54.4% (ước tính theo Thông tư 19) nhờ vào nguồn vốn chủ sở hữu mạnh. Chúng tôi cho rằng ngân hàng có khả năng giữ mức tăng trưởng tín dụng từ 30-32% trong năm 2011. Tỷ lệ NIM sẽ giảm một chút xuống 4% trong năm 2011 so với mức dự báo của chúng tôi cho năm 2010 là 4.3%. Chúng tôi dự báo mức độ cạnh tranh trong hoạt động huy động vốn cao hơn do các ngân hàng định hướng tập trung vào vốn huy động từ các khách hàng cá nhân. Thu nhập thuần từ phí sẽ tăng trưởng mạnh 25% do quy mô thu nhập thuần từ phí của ngân hàng còn thấp so với các ngân hàng cùng ngành. Lãi từ HĐ kinh doanh ngoại hối sẽ không ổn định và khó dự báo; tuy nhiên, chúng tôi vẫn dự báo lãi từ HĐ kinh doanh ngoại hối sẽ tăng 20%. Trên thực tế, ngân hàng đã quản lý ngoại hối một cách thận trọng nhằm tránh rủi ro tỷ giá và đã có đạt được lãi từ HĐ kinh doanh ngoại hối khá cao trong năm 2010. Chúng tôi kỳ vọng công tác quản lý ngoại hối trong ngân hàng sẽ tiếp tục diễn ra tốt trong năm 2011.
- Chúng tôi dự báo chi phí sẽ tăng 23% trong năm 2011 và tỷ lệ chi phí trên thu nhập sẽ khoảng 31-32%. Chúng tôi dự báo chi phí dự phòng sẽ tăng 25% và tỷ lệ NPL sẽ đạt 1.4% vào cuối năm 2011. Dựa trên những giả định này, chúng tôi kỳ vọng ngân hàng sẽ đạt lợi nhuận trước thuế là 2,663 tỷ đồng, tăng 27%. Chúng tôi cho rằng công tác quản lý chi phí hiệu quả sẽ đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập trong năm 2011. Với đối tác chiến lược SMCB (Nhật Bản), ngân hàng đã nhận được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật ở 3 lĩnh vực: ngân hàng bán lẻ, quản trị rủi ro và xây dựng chiến lược phát triển trong 5 năm. Những yếu tố này sẽ giúp ngân hàng duy trì tăng trưởng trong những năm tới.
- Dựa trên những dự báo nói trên và với mức giá hiện tại, P/E dự phóng năm 2010 là 9.6 lần và P/B dự phóng là 1.08 lần (P/E dự phóng bình quân ngành

là 10.2 lần và P/B là 1.76 lần). Trong năm 2011, P/E dự phóng đạt 7.6 lần và P/B dự phóng đạt 1.0 lần. Cổ phiếu EIB là rẻ nếu xét theo P/B và P/E; do đó,

cổ phiếu EIB là một trong những cổ phiếu hàng đầu chúng tôi lựa chọn cho mục đích đầu tư dài hạn.

# CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO CẬP NHẬT

Thứ tư, ngày 01 tháng 12 năm 2010

### Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng	2006	2007	2008	2009	2010F	2011F
Tiền mặt	2,898,007	1,850,102	4,455,588	6,838,617	4,093,739	5,646,482
Tiền gửi tại NHNN	374,378	825,202	3,438,736	2,115,265	3,070,304	4,052,801
Tiền gửi tại TCTD khác	2,535,139	4,746,967	9,491,316	6,976,109	15,812,567	19,765,709
Giá trị chứng khoán kinh doanh	0	7,580	0	98,824	276,726	444,755
Giá trị chứng khoán kinh doanh	0	8,257	0	108,697	326,091	543,485
Dự phòng giảm giá	0	(677)	0	(9,873)	(29,619)	(49,365)
Công cụ phái sinh	14,477	0	53,235	4,122	0	1
Cho vay khách hàng (ròng)	10,164,975	18,378,610	20,855,907	38,003,086	50,160,494	64,834,364
Giá trị dư nợ cho vay khách hàng (gộp)	10,207,392	18,452,151	21,232,198	38,381,855	50,640,804	65,488,383
Dự phòng rủi ro tín dụng	(42,417)	(73,541)	(376,291)	(378,769)	(480,309)	(654,019)
Chứng khoán đầu tư	1,587,239	6,076,844	7,518,367	8,401,391	14,242,090	16,404,168
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1,307,039	5,682,169	1,267,081	332,515	399,018	478,822
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	280,200	400,100	6,367,582	8,165,783	13,881,831	15,964,106
Dự phòng giảm giá	0	(5,425)	(116,296)	(96,907)	(38,759)	(38,759)
Đầu tư dài hạn	92,493	690,538	765,151	766,468	919,762	1,103,714
Đầu tư liên doanh, liên kết	11,000	62,700	143,700	143,700	172,440	206,928
Đầu tư khác	81,493	627,838	621,451	622,768	747,322	896,786
Tài sản cố định	224,994	530,138	716,157	937,559	1,217,053	1,540,829
Tài sản cố định hữu hình	145,425	183,624	317,529	430,282	668,647	890,233
Tài sản cố định vô hình	79,569	346,514	398,628	507,277	548,406	650,596
Tài sản khác	435,777	604,443	953,364	1,887,814	2,454,158	3,190,406
<b>Tổng tài sản</b>	<b>18,327,479</b>	<b>33,710,424</b>	<b>48,247,821</b>	<b>66,029,254</b>	<b>92,246,893</b>	<b>116,983,229</b>
Vay từ NHNN	433,582	28,059	26,954	1,611,076	0	0
Huy động vốn liên ngân hàng	2,128,517	1,214,024	1,565,108	2,527,655	15,165,930	20,425,944
Tiền gửi khách hàng	13,141,175	22,906,123	30,877,730	38,766,464	51,171,732	67,546,687
Vốn ủy thác cho vay	40,170	25,255	13,170	6,376	200,736	200,736
Công cụ nợ phái sinh	0	3,393	0	0	0	0
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi phát hành	326,339	8,445	1,453,200	8,223,028	10,278,785	12,848,481
Những khoản nợ khác	311,029	3,230,182	1,467,582	944,356	1,133,227	1,359,873
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,946,667	6,294,943	12,844,077	13,950,299	14,296,483	14,601,509
Vốn điều lệ	1,212,371	2,800,000	7,219,999	8,800,080	10,560,000	10,560,000
Thặng dư vốn		2,974,462	5,291,552	3,711,471	1,951,551	1,951,551
Các quỹ	532,805	122,443	228,129	236,503	516,709	289,651
Chênh lệch đánh giá lại ngoại hối			0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	201,491	398,038	104,397	1,202,245	1,268,222	1,800,307
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0			
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>18,327,479</b>	<b>33,710,424</b>	<b>48,247,821</b>	<b>66,029,254</b>	<b>92,246,893</b>	<b>116,983,229</b>



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2006	2007	2008	2009	2010F	2011F
Thu nhập lãi	983,397	1,753,670	4,196,594	4,344,177	7,580,993	10,419,201
Chi phí trả lãi	(631,847)	(1,069,041)	(2,876,882)	(2,368,870)	(4,737,776)	(6,820,127)
Thu nhập lãi thuần	351,550	684,629	1,319,712	1,975,307	2,843,216	3,599,075
Thu nhập phí dịch vụ	75,780	101,932	154,175	267,762	321,314	401,643
Chi phí hoạt động dịch vụ	(31,680)	(29,763)	(44,688)	(56,581)	(65,068)	(81,335)
Thu nhập phí thuần	44,100	72,169	109,487	211,181	256,247	320,308
Thu nhập thuần từ hoạt động ngoại hối	75,453	139,257	634,105	134,606	121,145	145,374
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	0	85	(4,163)	(39,835)	0	0
Thu nhập từ chứng khoán đầu tư	41,222	57,190	(167,439)	153,327	(30,000)	80,000
Thu nhập khác	76,661	41,536	31,283	30,475	150,000	65,000
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn	1,014	21,736	(30,938)	110,869	134,002	146,659
<b>Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>590,000</b>	<b>1,016,602</b>	<b>1,892,046</b>	<b>2,575,929</b>	<b>3,474,610</b>	<b>4,356,416</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh	(184,677)	(353,629)	(602,671)	(907,058)	(1,106,611)	(1,361,131)
Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	405,323	662,973	1,289,375	1,668,871	2,367,999	2,995,285
Dự phòng rủi ro	(46,736)	(34,126)	(320,144)	(136,085)	(264,837)	(331,831)
Lợi nhuận trước thuế	358,587	628,847	969,231	1,532,786	2,103,163	2,663,454
Thuế thu nhập	(100,118)	(165,430)	(258,218)	(388,364)	(525,791)	(665,864)
Lợi nhuận thuần	258,469	463,417	711,013	1,144,422	1,577,372	1,997,591
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận của cổ đông	258,469	463,417	711,013	1,144,422	1,577,372	1,997,591

Chú thích: HSC dự báo (F); Nguồn: Báo cáo EIB

	2006	2007	2008	2009	2010F	2011F
<b>Quy mô</b>						
Số điểm giao dịch	32	65	111	140	180	220
Số lượng nhân viên	1,392	2,360	3,104	3,700	4,440	5,100
<b>Hệ số an toàn vốn</b>						
Hệ số an toàn vốn CAR	na	27.0%	45.9%	26.5%	17.5%	16.9%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	10.6%	18.7%	26.6%	21.1%	15.5%	12.5%
Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu	9.4	5.4	3.8	4.7	6.5	8.0
<b>Chất lượng tài sản</b>						
Tài sản có rủi ro/tổng tài sản	72.69%	79.34%	70.89%	74.21%	76.36%	76.51%
Tỷ lệ nợ xấu nhóm 2-5	2%	2%	7.9%	2.4%	2.7%	2.92%
Tỷ lệ nợ xấu nhóm 3-5	0.85%	0.88%	4.7%	1.80%	1.21%	1.4%
Tỷ lệ dự phòng rủi ro/tổng nợ xấu nhóm 3-5	50%	46%	38%	54%	78%	71%
Tỷ lệ dự phòng rủi ro/tổng nợ xấu nhóm 2-5	27%	27%	22%	40%	35%	34%
<b>Hệ số thanh khoản</b>						
Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản	56%	59%	44%	63%	73%	69%
LDR theo thông tư 19	Na	Na	Na	55%	52%	55%
Tỷ lệ cho vay/huy động	76%	80%	66%	82%	82%	81%
Vay liên NH/tổng nguồn huy động	14%	5%	5%	5%	20%	20%
Cho vay/tổng tài sản	56%	55%	44%	58%	55%	56%
<b>Tình hình sử dụng tài sản</b>						
Doanh thu/tổng tài sản	12%	12%	16%	13%	15%	15%
Lợi nhuận ròng/doanh thu	1.7%	1.8%	1.7%	2.0%	2.0%	1.9%
Tổng tài sản sinh lãi b/q trên tổng tài sản bình quân	82%	83%	80%	78%	84%	86%
<b>Khả năng sinh lời</b>						
Lợi nhuận ròng/tổng tài sản b/q	1.7%	1.8%	1.7%	2.0%	2.0%	1.9%
Lợi nhuận ròng/tổng vốn CSH b/q	18.6%	11.2%	7.4%	8.5%	11.2%	13.8%
Thu nhập lãi ròng/tài sản sinh lãi b/q	2.9%	3.2%	3.7%	4.4%	4.28%	4.0%
Chi phí hoạt động/tài sản sinh lãi	1.52%	1.64%	1.85%	2.03%	1.66%	1.51%
Thu nhập lãi ròng/tổng thu nhập	59.6%	67.3%	69.8%	76.7%	81.8%	82.6%
Hệ số chi phí hoạt động/tổng thu nhập	31.3%	34.8%	31.9%	35.2%	31.8%	31.2%
<b>Tỷ lệ tăng trưởng</b>						
Tăng trưởng tổng tài sản	61%	84%	43%	37%	40%	27%
Tăng trưởng tổng dư nợ	58%	81%	13%	82%	32%	29%
Tăng trưởng tổng tiền gửi	57%	74%	35%	26%	32%	32%
Tăng trưởng (tiền gửi + CDS)	61%	70%	41%	45%	31%	31%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	133%	223%	104.0%	9%	2%	2%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	1156%	75%	54%	58%	37%	27%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng.	1125%	79%	53%	61%	38%	27%

Nguồn: Báo cáo EIB; (F) HSC dự báo



Lịch sử hình thành và phát triển

**24/05/1989:** Là NHTMCP đầu tiên được thành lập với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam

**1993:** Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

**1995:** Tham gia hệ thống SWIFT

**1997:** Được chấp nhận là thành viên chính thức của Tổ chức thẻ MasterCard

**1998:** Được chấp nhận là thành viên chính thức của Tổ chức thẻ Visa.

**2003:** Triển khai hệ thống thanh toán nội hàng trực tuyến toàn hệ thống.

**2005:** Kết nối thành công hai hệ thống thanh toán thẻ nội địa Vietcombank-Eximbank.

là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

**2007:** Chính thức trở thành thành viên của tổ chức IFC (Công ty tài chính Quốc tế toàn cầu)

Chính thức ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, trong đó có tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation của Nhật.

**2008:** Chính thức trao chứng nhận 15% cổ phần trị giá 225 triệu USD cho tập đoàn kinh tế SMBC.

Phối hợp với Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn (SJC) chính thức khai trương sản giao dịch vàng SJC – Eximbank, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 7,220 tỷ đồng,

**2009:** Tăng vốn điều lệ lên 8,800 tỷ đồng

Lĩnh vực kinh doanh

Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm các nghiệp vụ huy động vốn ngắn, trung và dài hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán, nhận vốn uy thác từ các định chế trong và ngoài nước; thực hiện hoạt động cho vay ngắn, trung, dài hạn, chiết khấu giấy tờ có giá, đầu tư vào giấy tờ có giá, các dự án liên doanh và các công ty khác; cung cấp các dịch vụ thanh toán; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, vàng; cung cấp dịch vụ quản lý tài sản và các nghiệp vụ ngân hàng khác.

Tên	Chức danh
Hội đồng quản trị	
Lê Hùng Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lê Thị Hoa	Phó chủ tịch HĐQT
Phạm Hữu Phú	Phó chủ tịch HĐQT
Phạm Trung Cang	Phó chủ tịch HĐQT
Naoki Nishizawa	Ủy viên
Trương Văn Phước	Ủy viên
Nguyễn Quang Thông	Ủy viên
Hoàng Tuấn Khải	Ủy viên
Philip Simon Rupert Skevington	Ủy viên
Ban kiểm soát	
Đặng Hữu Tiến	Ủy viên
Nguyễn Hồng Long	Ủy viên
Ban điều hành	
Trương Văn Phước	Tổng giám đốc
Trần Tấn Lộc	Phó Tổng giám đốc
Tô Nghị	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng giám đốc
Đào Hồng Châu	Phó Tổng giám đốc
Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng giám đốc
Kenji Kuroki	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thanh Nhung	Phó Tổng giám đốc
Cơ cấu cổ đông	
Vốn điều lệ	
Trong nước	70%
Nước ngoài	30%
Thông tin liên hệ	
Trụ sở	07 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP HCM
Telephone	(84) (8) 38210055
Fax	(84) (8) 38296063
Website	www.eximbank.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB  
76 Lê Lai, Quận 1, TPCHM  
**T** : (+84 8) 3 823 3299  
**F** : (+84 8) 3 823 3301

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**T** : (+84 4) 3 933 4693  
**F** : (+84 4) 3 933 4822

**E**: [infor@hsc.com.vn](mailto:infor@hsc.com.vn) **W**: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)